

Số: 2021/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 03 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2022
thực hiện Dự án Bảo vệ và phát rừng tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số chính sách bảo vệ phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 06/9/2012, Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Dự án Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 91/TTr-SNN&PTNT ngày 10/5/2022, Công văn số 1661/SNN&PTNT-CCKL ngày 21/7/2022 và Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 154/TTr-SKHĐT ngày 29/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện Dự án Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam, với tổng số tiền: 7.464.969.130 đồng (*Bảy tỷ, bốn trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi chín ngàn, một trăm ba mươi ngàn đồng*), như sau:

- Trồng rừng phòng hộ: 1.430.813.800 đồng, cụ thể:

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

- Trồng rừng gỗ lớn: 6.034.155.330 đồng, cụ thể:

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT (đơn vị chủ quản dự án) phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan khẩn trương rà soát, thực hiện các thủ tục điều chỉnh Dự án Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam theo quy định; tiếp tục đề xuất phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn ngân sách trung ương 2022 còn lại của Dự án.

2. UBND các huyện có tên tại các Phụ lục, Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh và ven biển Quảng Nam chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng mục đích, hiệu quả; giao chi tiết kế hoạch vốn cho các đơn vị trực thuộc và giải ngân kế hoạch vốn theo đúng thời hạn và thanh, quyết kinh phí theo đúng quy định, trong đó lưu ý các thủ tục về hỗ trợ sau đầu tư. Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện dự án cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh lập thủ tục cấp kinh phí và hướng dẫn các địa phương thực hiện thanh, quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ và thực hiện báo cáo giám sát đầu tư theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh và ven biển Quảng Nam; Chủ tịch UBND các huyện có tên tại Phụ lục và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và các phòng CV;
- Lưu: VT, TH (H).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

Phụ lục I

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NSTW NĂM 2022 DỰ ÁN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG (Trồng rừng phòng hộ)

(Kèm theo Quyết định số 2021 /QĐ-UBND ngày 03 / 8 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

TT	Dự án trồng rừng cơ sở	Đơn vị thực hiện	Diện tích thực hiện (ha)	Kế hoạch vốn năm 2022 (1.000 đồng)	Ghi chú
	Tổng số			1.430.813,80	
I	Thực hiện chuyển tiếp		233,66	1.243.452,52	
1	Dự án BV&PTR Tây Giang	UBND huyện Tây Giang			KP Chăm sóc rừng; KP Quản lý điều hành
-	Trồng rừng phòng hộ năm 2020		40,00	159.130,40	
-	Trồng rừng phòng hộ năm 2021		22,12	128.424,74	
2	Dự án BV&PTR Tiên Phước	UBND huyện Tiên Phước			
-	Trồng rừng phòng hộ năm 2020		30,00	119.347,80	
-	Trồng rừng phòng hộ năm 2021		26,45	153.563,94	
3	Dự án BV&PTR Nam Giang	UBND huyện Nam Giang			
-	Trồng rừng phòng hộ năm 2021		10,00	58.058,20	
4	Dự án BV&PTR Thăng Bình	UBND huyện Thăng Bình			
-	Trồng rừng phòng hộ năm 2021		53,50	364.192,69	
5	Dự án BV&PTR Duy Xuyên	UBND huyện Duy Xuyên			
-	Trồng rừng phòng hộ năm 2021		14,80	85.926,14	
6	Dự án BV&PTR Nam Trà My	UBND huyện Nam Trà My			
-	Trồng rừng phòng hộ năm 2020		11,79	68.450,62	
7	Dự án BV&PTR phòng hộ Phú Ninh	BQL rừng phòng hộ Phú Ninh và ven biển Quảng Nam			
-	Trồng rừng phòng hộ năm 2020		25,00	106.358,00	
II	Trồng mới năm 2023		9,60	187.361,28	
1	Dự án BV&PTR Phước Sơn	UBND huyện Phước Sơn			KP Trồng rừng phòng hộ; KP Quản lý điều hành
-	Trồng rừng phòng hộ năm 2022		9,60	187.361,28	

Phụ lục II

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NSTW NĂM 2022 DỰ ÁN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG (Trồng rừng gỗ lớn)

(Kèm theo Quyết định số 2021 /QĐ-UBND ngày 03 /8 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

TT	Dự án trồng rừng cơ sở	Đơn vị thực hiện	Diện tích thực hiện (ha)	Kế hoạch vốn năm 2022 (1.000 đồng)	Ghi chú
	Tổng số			6.034.155,33	
I	Thực hiện chuyển tiếp		1.200,46	1.293.109,40	
	Trồng rừng gỗ lớn năm 2019		418,57	1.185.599,53	KP trồng, Chăm sóc rừng; KP Quản lý điều hành năm cuối
1	Dự án BV&PTR Tiên Phước	UBND huyện Tiên Phước	250,00	708.125,00	
2	Dự án BV&PTR Hiệp Đức	UBND huyện Hiệp Đức	69,69	197.396,93	
3	Dự án BV&PTR Quế Sơn	UBND huyện Quế Sơn	49,14	139.189,05	
4	Dự án BV&PTR Nông Sơn	UBND huyện Nông Sơn	49,74	140.888,55	
	Trồng rừng gỗ lớn năm 2020		413,52	56.859,00	KP Chăm sóc rừng; KP Quản lý điều hành năm thứ 2
1	Dự án BV&PTR Phước Sơn	UBND huyện Phước Sơn	47,47	6.527,13	
2	Dự án BV&PTR Tiên Phước	UBND huyện Tiên Phước	202,20	27.802,50	
3	Dự án BV&PTR Hiệp Đức	UBND huyện Hiệp Đức	84,99	11.686,13	
4	Dự án BV&PTR Nông Sơn	UBND huyện Nông Sơn	70,00	9.625,00	
5	Dự án BV&PTR Quế Sơn	UBND huyện Quế Sơn	8,86	1.218,25	
	Trồng rừng gỗ lớn năm 2021		368,37	50.650,88	KP Chăm sóc rừng; KP Quản lý điều hành năm thứ 1
1	Dự án BV&PTR Tây Giang	UBND huyện Tây Giang	177,71	24.435,13	
2	Dự án BV&PTR Hiệp Đức	UBND huyện Hiệp Đức	59,14	8.131,75	
3	Dự án BV&PTR Nông Sơn	UBND huyện Nông Sơn	87,62	12.047,75	
4	Dự án BV&PTR Thăng Bình	UBND huyện Thăng Bình	43,90	6.036,25	
II	Trồng mới năm 2022		707,35	4.741.045,93	KP trồng, khảo sát, thiết kế, chăm sóc rừng; KP Quản lý điều hành ban đầu
1	Dự án BV&PTR Phước Sơn	UBND huyện Phước Sơn	74,17	491.561,68	
2	Dự án BV&PTR Hiệp Đức	UBND huyện Hiệp Đức	71,18	471.745,45	
3	Dự án BV&PTR Thăng Bình	UBND huyện Thăng Bình	50,00	331.375,00	
4	Dự án BV&PTR Tây Giang	UBND huyện Tây Giang	150,00	1.047.208,80	
5	Dự án BV&PTR Đông Giang	UBND huyện Đông Giang	300,00	1.988.250,00	
6	Dự án BV&PTR Nam Giang	UBND huyện Nam Giang	12,00	79.530,00	

7	Dự án BV&PTR Nam Trà My	UBND huyện Nam Trà My	50,00	331.375,00
---	-------------------------	-----------------------	-------	------------